

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/DS-ST
Ngày: 29 – 9 – 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thịnh.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2020/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2020/QĐST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị P, sinh năm 1941 và ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1940, cùng địa chỉ Số 108/3, Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Hà T, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 417A/1, đường P (Quốc lộ Y), khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/7/2020, ông T có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Th, tên gọi khác Minh Th, sinh năm 1972, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Lệ T, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, Tờ mượn nợ ngày 21/3/2017 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn L, bà Ngô Thị P thống nhất trình bày:*

Vợ chồng Ông, Bà có người con trai tên là Huỳnh Văn Th (Minh Th), vào ngày 21/3/2017, ông Th vay của vợ chồng Ông, Bà 80 chỉ vàng 24K, đến tháng 8 năm 2017, ông Th trả được 5 chỉ vàng 24K, còn thiếu vợ chồng Ông, Bà 75 chỉ vàng 24K (Bằng chữ: Bảy mươi lăm chỉ vàng 24k).

Đến năm 2018, vợ chồng Ông, Bà có yêu cầu ông Th trả lại vàng, nhưng cho đến nay ông Th vẫn chưa trả, nhận thấy hành vi của ông Th đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của vợ chồng Ông, Bà.

Nay vợ chồng Ông, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn Th trả lại 75 chỉ vàng 24K.

**Bị đơn ông Huỳnh Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lệ T đều không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các đương sự vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lệ T đều vắng mặt đến lần thứ hai, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung:

[2] Theo Tờ mượn nợ ngày 21/3/2017, do nguyên đơn cung cấp, thể hiện nội dung: *Tôi Huỳnh Minh Th có mượn nợ của Ba, Má tôi số vàng là 80 chỉ*

(vàng 24K), thời gian là 02 năm, tôi trả đủ cho Ba, Má. Tôi mượn trước sau 80 chỉ, trước là 10 chỉ, sau là 70 chỉ, tổng cộng là 80 chỉ chắc. vậy tôi viết giấy này làm bằng chứng. Mặt sau Tờ mượn nợ có ghi nội dung: Ngày 30/8/2017, Thận có trả cho Ba, Má tôi 05 chỉ vàng 24K.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả 75 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào Tờ mượn nợ nêu trên, có căn cứ xác định: Ngày 21/3/2017, bị đơn có mượn của nguyên đơn 80 chỉ vàng 24K, thời hạn trả 02 năm, đến ngày 30/8/2017, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24K, còn nợ lại 75 chỉ vàng 24K.

[4] Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[5] Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”.

[6] Tại khoản 1 Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*”; “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”.

[7] Theo các biên bản ghi nhận việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng ngày 13/7/2020 và ngày 29/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lệ T có ý kiến như sau: Chuyện của bên chồng bà, bà không có liên quan gì, ông Huỳnh Minh Th, chồng bà, không cho phép bà nhận bất cứ văn bản gì từ cơ quan Tòa án, để cho ông Th tự giải quyết vấn đề gia đình, nên bà không nhận văn bản gì của Tòa án.

[8] Xét trách nhiệm liên đới của bà Hoàng Thị Lệ T: Nguyên đơn chỉ khởi kiện ông Th, không có khởi kiện bà T, để yêu cầu bà T phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản vay của ông Th. Mặt khác, việc ông Th mượn vàng của

nguyên đơn, bà T hoàn toàn không biết. Do đó, không có cơ sở để xác định bà T cũng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự do ông Th thực hiện với nguyên đơn, theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 351, 357, 166, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L và bà Ngô Thị P, buộc ông Huỳnh Văn Th phải có nghĩa vụ trả cho ông L, bà P 75 chỉ vàng 24K, tương đương với số tiền 390.000.000 đồng (theo giá vàng 24K hiện tại 5.200.000 đồng/chỉ).

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên vợ chồng ông L, bà P không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Ông Th phải chịu án phí có giá ngạch là 19.500.000 đồng (=390.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 93, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 351, 357, 166, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L và bà Ngô Thị P, buộc ông Huỳnh Văn Th (Minh Th) phải có nghĩa vụ trả cho ông L, bà P 75 (Bảy mươi lăm) chỉ vàng 24K, tương đương với số tiền 390.000.000 đồng (theo giá vàng 24K hiện tại 5.200.000 đồng/chỉ).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên vợ chồng ông L, bà P không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Ông Th phải chịu án phí có giá ngạch là **19.500.000** đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng